

Số: 12/NQ-HĐND

Phường 1, ngày 1 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
chi ngân sách địa phương năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG 1
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố Đông Hà về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương cho các phường năm 2020;

Xét tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân phường về việc thông qua các báo cáo trình kỳ họp thứ mười một, Hội đồng nhân dân phường khóa X, nhiệm kỳ 2016-2021; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân phường và ý kiến tham gia của đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên bàn, chi ngân sách địa phương năm 2020, với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

A. Tổng thu ngân sách nhà nước (I + II):	12.477.000.000 đồng
I. Các khoản thu phường hưởng 100%:	296.000.000 đồng
1. Phí, lệ phí	171.000.000 đồng
2. Thu từ quỹ đất công ích	125.000.000 đồng
3. Thu sự nghiệp	0 đồng
II. Các khoản phân chia theo tỷ lệ phần trăm(%) :	12.181.000.000 đồng
1. Thuế môn bài (70%)	290.000.000 đồng
2. Thuế GTGT (50%)	6.700.000.000 đồng
3. Thuế TTĐB (70%)	650.000.000 đồng
4. Thuế SD đất Phi nông nghiệp (50%)	971.000.000 đồng
5. Thuế TNCN (50%)	3.570.000.000 đồng

B. Thu NSNN trên địa phương: 7.927.500.000 đồng

Trong đó:

- | | |
|--------------------------------------|--------------------|
| 1. Các khoản thu thường hưởng 100%: | 296.000.000 đồng |
| - Phí và lệ phí: | 171.000.000 đồng |
| - Thu từ quỹ đất công ích | 125.000.000 đồng |
| 2. Các khoản phân chia theo tỷ lệ %: | 7.631.500.000 đồng |

Trong đó:

- | | |
|--|--------------------|
| - Thuế môn bài (70%): | 203.000.000 đồng |
| - Thuế GTGT (50%): | 3.350.000.000 đồng |
| - Thuế TTĐB (70%): | 455.000.000 đồng |
| - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (50%): | 485.500.000 đồng |
| - Thuế TNCN (50%) : | 2.481.000.000 đồng |
| - Lệ phí trước bạ nhà đất (70%): | 657.000.000 đồng |

C. Tổng chi ngân sách địa phương: (I+II + III) 7.927.500.000 đồng

I. Chi đầu tư phát triển: 1.900.000.000 đồng

II. Chi thường xuyên: 5.852.400.000 đồng

Trong đó:

- | | |
|---------------------------------------|-------------------------|
| 1. Chi bảo đảm xã hội: | 221.800.000 đồng |
| 2. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: | 54.000.000 đồng |
| 3. Chi sự nghiệp VH TT: | 74.400.000 đồng |
| 4. Chi sự nghiệp TDTT: | 37.000.000 đồng |
| 5. Chi an ninh : | 444.000.000 đồng |
| 6. Chi quốc phòng: | 500.900.000 đồng |
| 7. Chi sự nghiệp kinh tế và MT: | 157.900.000 đồng |
| 8. Chi QLNN-Đảng - ĐT: | 4.230.900.000 đồng |
| 9. Chi khác: | 131.500.000 đồng |
| III. Chi dự phòng: | 175.100.000 đồng |

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân phường:

1. Về thực hiện nhiệm vụ thu – chi ngân sách

Tổ chức thực hiện quyết liệt và đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện đạt và vượt dự toán thu ngân sách năm 2020.

UBND phường đảm bảo chi ngân sách theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, dự toán được giao. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra phòng chống lãng phí, thất thoát ngân sách nhà nước.

Thực hiện quản lý, điều hành ngân sách theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán NSNN năm 2020; Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2020.

2. Đối với nguồn sự nghiệp có tính chất đầu tư các công trình xây dựng trong năm thì Ủy ban nhân dân phường báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân phường thống nhất trước khi thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân phường khóa X, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký. /*sl*

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố bầu tại Phường 1;
- TT Đảng ủy phường;
- TT HĐND, các Ban HĐND phường;
- Đại biểu HĐND Phường khóa X;
- UBND, UBMTTQVN và các ban ngành, đoàn thể phường;
- Cấp ủy, BCS, Ban CTMT các khu phố;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Đặng Thị Thủy

BẢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 24/BC-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2019 của UBND Phường 1)

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	Nội dung chi ngân sách phường	Dự toán chi	Ghi chú
	Tổng số	7.927.500	
I	Chi đầu tư phát triển	1.900.000	
II	Chi ngân sách thường xuyên	5.852.400	
1	Chi bảo đảm xã hội	221.800	
	*Trợ cấp cán bộ xã nghỉ việc (hưu xã)	70.700	
	*Theo định mức của tỉnh	14.400	
	* Chi tăng thêm của TP	23.000	
	* Kinh phí giám định y khoa cho các đối tượng	12.000	
	* Mừng thọ NCT	101.700	
2	Chi SN giáo dục và Đào tạo	54.000	
	*Chi Sự nghiệp giáo dục	27.000	
	*Trung tâm học tập cộng đồng	27.000	
3	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	74.400	
	*Chi theo định mức của tỉnh	14.400	
	*Chi tăng thêm của TP	30.000	
	*Hỗ trợ XD đời sống văn hóa KDC (Mặt trận)	30.000	
4	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	37.000	
	*Chi theo định mức của tỉnh	12.000	
	*Chi tăng thêm của TP	25.000	
5	Chi an ninh - Quốc phòng	944.900	
5.1	Chi an ninh	444.000	
	* Phụ cấp Ban bảo vệ dân phố, tổ bảo vệ dân phố	344.000	
	* Chi theo đảm bảo an ninh, trật tự theo định mức của tỉnh và thành phố	100.000	
5.2	Quốc phòng	500.900	
	*Phụ cấp dân quân tự vệ, đặc thù QP	174.900	
	*Giáo dục quốc phòng đối tượng 5	15.500	
	*Chi phục vụ huấn luyện, trực SSCĐ QS	310.500	
6	Chi sự nghiệp kinh tế	157.900	
6.1	Chỉnh lý biến động đất đai	10.000	
6.2	Chi Sự nghiệp Kinh tế và môi trường khác	117.900	
6.3	Duy trì hệ thống camera an ninh	20.000	
6.4	Chi Sự nghiệp y tế	10.000	

6.5	Phụ cấp cán bộ thú y		
7	Chi quản lý Nhà nước (7.1+7.2)	4.230.900	
7.1	Chi cho các định mức (7.11+7.12)	3.016.700	
7.1.1	Lương cán bộ công chức	1.792.000	
	* Lương và phụ cấp cán bộ chuyên trách, CCP	1.792.000	
7.1.2	* Các khoản phụ cấp	1.224.700	
	*Phụ cấp CB bán chuyên trách phường (Nhóm 1)	103.000	
	*Phụ cấp CB bán chuyên trách phường (Nhóm 2)	103.900	
	*Phụ cấp cán bộ nguồn theo QĐ 1618 (ĐA 1618)	0	
	*Phụ cấp đại biểu HĐND	184.100	
	*Phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo	2.700	
	*Phụ cấp khu phố trưởng, Bí thư chi bộ+BHYT	397.800	
	*Phụ cấp ban công tác mặt trận KDC	70.000	
	*Phụ cấp đoàn thể khu phố, CH người CT	275.000	
	*Phụ cấp cấp ủy Đảng	69.800	
	*Phụ cấp cán bộ 1 cửa	14.400	
	*Hỗ trợ cán bộ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC	4.000	
7.2	Chi hoạt động	1.214.200	
	* Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	180.000	
	* Kinh phí không thực hiện tự chủ (Hoạt động chung)	135.000	
	* HĐ khối Đảng theo QĐ 99 (sau khi trừ Đảng phí để lại)	95.700	
	* Khen thưởng	25.000	
	* KP hđ các tổ chức CT-XH cấp phường	40.000	
	* Chi hỗ trợ hoạt động ban CTMT KDC,	10.000	
	* Hỗ trợ kinh phí hoạt động các khu phố	20.000	
	* Chi hỗ trợ hoạt động đoàn thể KP	40.000	
	*Thanh tra nhân dân	4.000	
	*Kinh phí giám sát cộng đồng (Mặt trận)	5.000	
	*Công tác lấy phiếu tín nhiệm	2.000	
	*KP tổ hòa giải cơ sở	15.000	
	*Hỗ trợ phổ biến truyền truyền pháp luật	13.000	
	*Tiếp dân	13.000	
	* Hỗ trợ hoạt động 3 cụm Hội Cựu TNXP	3.000	
	* KP hoạt động HĐND	138.800	
	* Hỗ trợ hoạt động các hội xã hội (8 hội)		
	* Hoạt động của ban dân số cấp xã	1.200	
	* Kinh phí Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2020-2020	250.000	
	* Kinh phí Đại hội chi bộ	223.500	

8	*Chi khác	131.500	
	Chi khác	31.500	
	Kinh phí kỷ niệm các ngày ngày lễ lớn	100.000	
III	Chi dự phòng	175.100	

